

VL, ngày 03 tháng 12 năm 2021

Số:139/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:107/2021/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 10 năm 2021 giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 14/01/2000.

HKTT: Thôn La Thượng, xã Tản Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Đội X, thôn NX, thị trấn NQ, huyện VL, tỉnh HY.

**Bị đơn:** Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1995

HKTT: Thôn LT, xã TH, huyện BV, thành phố HN.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 14/11/2020. Cháu N là con của chị H và anh T. Người giám hộ cho cháu N là chị H và anh T.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2021.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25/11/2021 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Ngọc T.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Ngọc T thuận tình ly hôn.

**Về con chung:** Chị H và anh T có một con chung là cháu Lê Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 14/11/2020. Chị H và anh T thỏa thuận giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu N hàng tháng số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng. Thời điểm đóng góp cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 12 năm 2021 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

**Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức và đất ruộng nông nghiệp:** Chị H và anh T đều tự nguyện không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án mà anh T chậm thực hiện hoặc không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu lãi suất theo lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**Về án phí:** Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H chịu cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011504 ngày 07 tháng 10 năm 2021, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự
- Viện kiểm sát huyện VL
- Chi cục THA huyện VL
- UBND xã TH;
- Lưu Hs vụ án

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Văn Mười**

